

Số: 1307/2025/QĐST-VHNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/9/2025;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 0682/2025/TLST-VHNGĐ ngày 19/9/2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1/ Ông Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/12/1982.

CCCD số: 079082004968 do Cục trưởng CSQLHC về TTXH cấp ngày 27/7/2022.

Địa chỉ: 4 N, phường B (trước đây là Phường A, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lê Trần Thùy T, sinh ngày 25/11/1983.

CCCD số: 079183034771 do Cục trưởng CSQLHC về TTXH cấp ngày 05/12/2023.

Địa chỉ: 1 N, phường C (trước đây là Phường B, Quận H), Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 23 quyển số 01/2008 ngày 09 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận E (nay là

phường C), Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Trần Thùy T là hợp pháp. Ông A và bà T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 159, quyển số 01/2012 ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận E (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông A và bà T có con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 18/10/2012.

Ông A và bà T cùng thống nhất giao con chung là Nguyễn Nguyễn C bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai thống nhất tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về Tài sản chung, nợ chung: ông A và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: ông A và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông A và bà T phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Trần Thùy T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông A và bà T có 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 18/10/2012.

Giao con chung là trẻ Nguyễn N, sinh ngày 18/10/2012 cho **bà T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cả hai thống nhất tự thỏa thuận việc cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông A không thi hành hoặc thi hành không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu tiền lãi phát sinh tương

ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông A và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: ông A và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông A và bà T mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0018660 ngày 19/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

**THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV5-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường Chợ Lớn, TP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**Nguyễn Lê Hoàng Yến**